Ipsard Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp nông thôn

SỐ 12 Tháng NĂM 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ

Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ

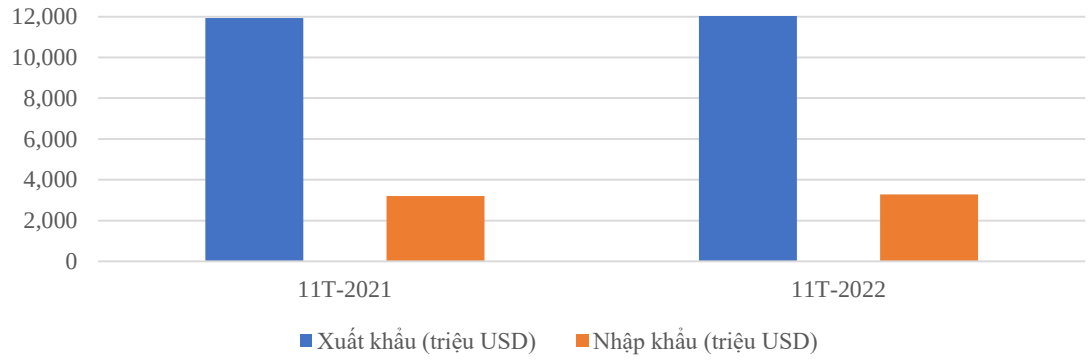

So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (11T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 1,0%
- Nhập khẩu ▲ 2,5%

Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 11T-2022 so với 11T-2021

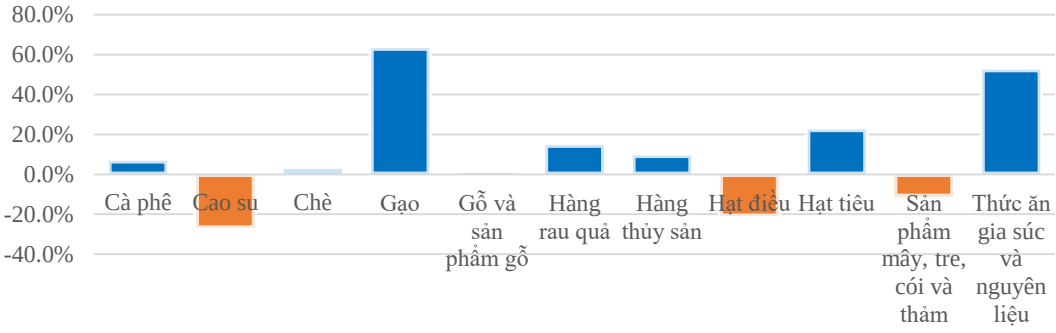

So sánh 11T-2022/2021

- Cà phê ▲ 6,8%
- Cao su ▼ 27%
- Chè ▲ 2,79%
- Gạo ▲ 63,3%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 0,6%
- Rau quả ▲ 14,6%
- Thủy sản ▲ 9,5%
- Hạt điều ▼ 21,0%
- Hạt tiêu ▲ 22,5%
- Mây tre đan ▼ 11,0%
- TĂGsS và NL ▲ 52,6%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T11/2022 so với T11/2021

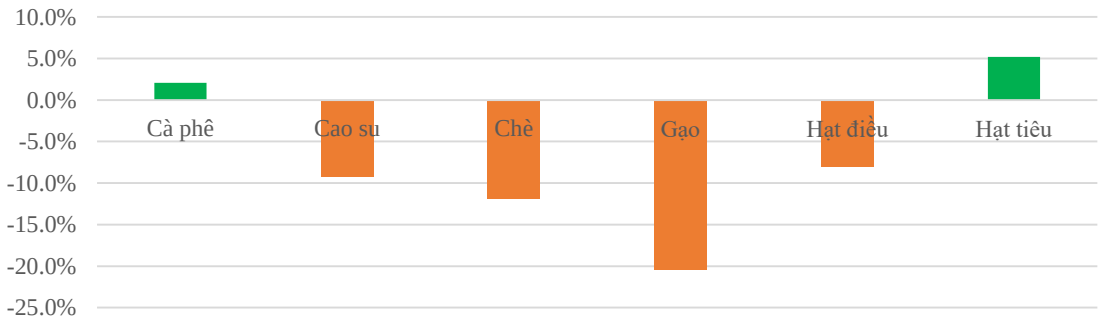

So sánh giá xuất khẩu bình quân T11-2022/2021

- Cà phê ▲ 2,1%
- Cao su ▼ 9,2%
- Chè ▼ 11,9%
- Gạo ▼ 20,4%
- Hạt điều ▼ 8,0%
- Hạt tiêu ▲ 5,2%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

ADB nhận định tăng trưởng GDP của nền kinh tế Hoa Kỳ năm 2022 dự báo đạt 1,7%, điều chỉnh tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2022, sau đó sẽ giảm mạnh xuống còn 0,4% năm 2023, điều chỉnh giảm 0,6 điểm phần trăm so với thời điểm tháng 9/2022. Dữ liệu mới nhất cho thấy triển vọng đầu tư và tiêu dùng của Hoa Kỳ yếu đi do điều kiện tài chính thắt chặt hơn. Niềm tin người tiêu dùng đã giảm từ 98,9 điểm trong tháng 10 xuống 96,9 điểm trong tháng 11 cho thấy tăng trưởng tiêu dùng giảm. Tuy nhiên, thu nhập tiếp tục tăng khi thị trường lao động vẫn mạnh mẽ. Tỷ lệ thất nghiệp dao động ở mức 3,5% – 3,7% kể từ tháng 3/2022. Lạm phát của Hoa Kỳ tăng trong năm 2022, ở mức 8,0% chủ yếu do các yếu tố tác động như giá lương thực, năng lượng tăng cao, giá dịch vụ tiếp tục tăng mạnh. Để kiềm chế lạm phát, Fed tiếp tục tăng lãi suất lên 0,75 điểm phần trăm trong tháng 11, đưa lãi suất chính sách về khoảng 3,75% – 4,00%. Fed dự kiến trong thời gian tới sẽ có những thay đổi, điều chỉnh chính sách tiền tệ và có khả năng đầu năm 2023, sẽ tiếp tục tăng lãi suất để duy trì cuộc chiến chống lạm phát.

Theo số liệu công bố của Bộ Thương mại Hoa Kỳ vừa mới đây, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ tăng với tốc độ 3,2% trong quý 3 năm 2022, đây là mức điều chỉnh so với mức trước đây dự kiến là 2,6% và so với mức tăng trưởng âm trong 6 tháng đầu năm. Điều này phản ánh sự gia tăng trong xuất khẩu và chi tiêu của người tiêu dùng Hoa Kỳ trong thời gian qua và có niềm tin vào thị trường bất chấp hiện nay tình hình giá cả, lạm phát vẫn tăng cao. Ngoài ra, việc đầu tư và kinh doanh của các cơ quan liên quan và các doanh nghiệp cũng có sự cải thiện thể hiện qua việc đầu tư vào nhà ở, hàng tồn kho, và nhập khẩu giảm dẫn tới cân bằng cán cân thương mại của Hoa Kỳ.

Trong bối cảnh đó, trao đổi kim ngạch hai chiều giữa Việt Nam và Hoa Kỳ vẫn rất khả quan. Theo thống kê của Tổng Cục Hải quan của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 12,04 tỷ USD *(tăng 1% so với cùng kỳ năm ngoái)*. Nhập khẩu các mặt hàng NLTS từ thị trường này đạt khoảng 3,28 tỷ USD *(tăng 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái)*. Như vậy, trong 11 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu các mặt hàng NLTS giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đạt 15,32 tỷ USD.

Trong tháng 11/2022, một số mặt hàng NLTS xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang Hoa kỳ là gỗ và các sản phẩm gỗ *(chiếm 68%)*, thủy sản *(14%)*, hạt điều *(8,2%)*. So với tháng 10/2022, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng giảm như cao su giảm 27%, hạt điều giảm 21%, sản phẩm mây, tre, cói và thảm giảm 11%, còn lại hầu hết các mặt hàng đều tăng như gạo (tăng 63%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 52,6%), hạt tiêu (tăng 22,5%), rau quả (tăng 14,6%), cà phê (tăng 6,8%),.... (*Chi tiết tại phụ lục đính kèm)*.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 2,8 nghìn tấn gạo, trị giá 1,9 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 32,9% về khối lượng và 24,3% về giá trị so với tháng trước; và tăng 192,4% về khối lượng và 132,7% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 22,9 nghìn tấn, trị giá 17,3 triệu USD, tăng 66,2% về khối lượng và 63,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ

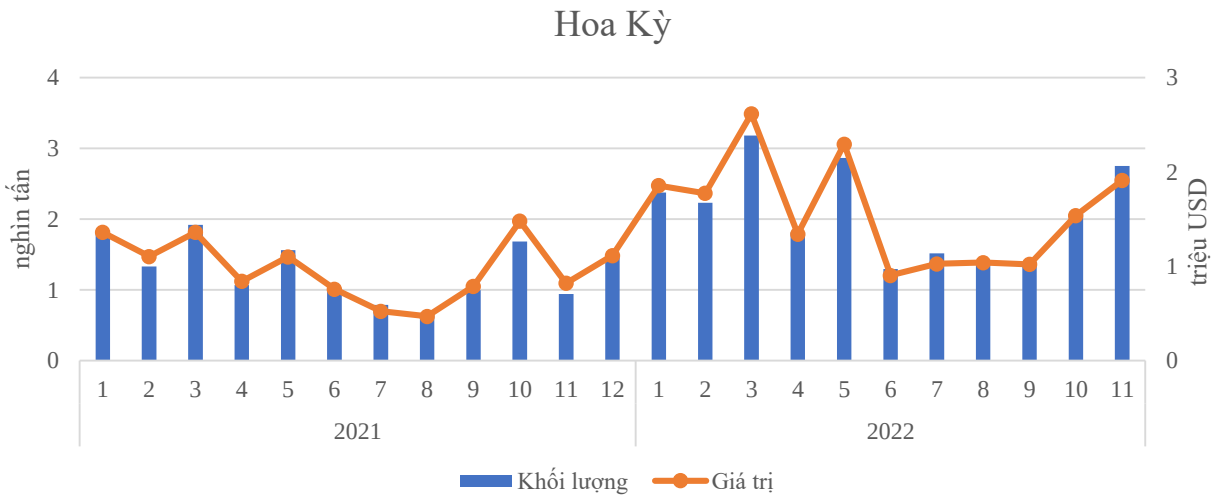

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2022 đạt 694,2 USD/tấn, giảm 6,5% so với tháng trước và giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

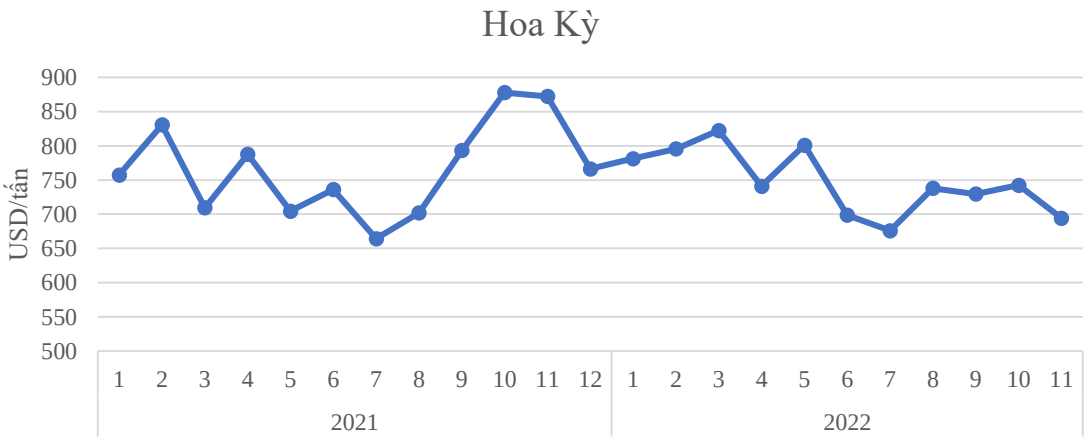

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,3 nghìn tấn, trị giá 0,95 triệu USD (chiếm 45,6% về khối lượng và 49,8% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 54,6% về khối lượng và 33,2% về giá trị. Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 11/2022 đạt trung bình 820,6 USD/tấn, tăng 8,6% so với tháng trước nhưng giảm 13,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ

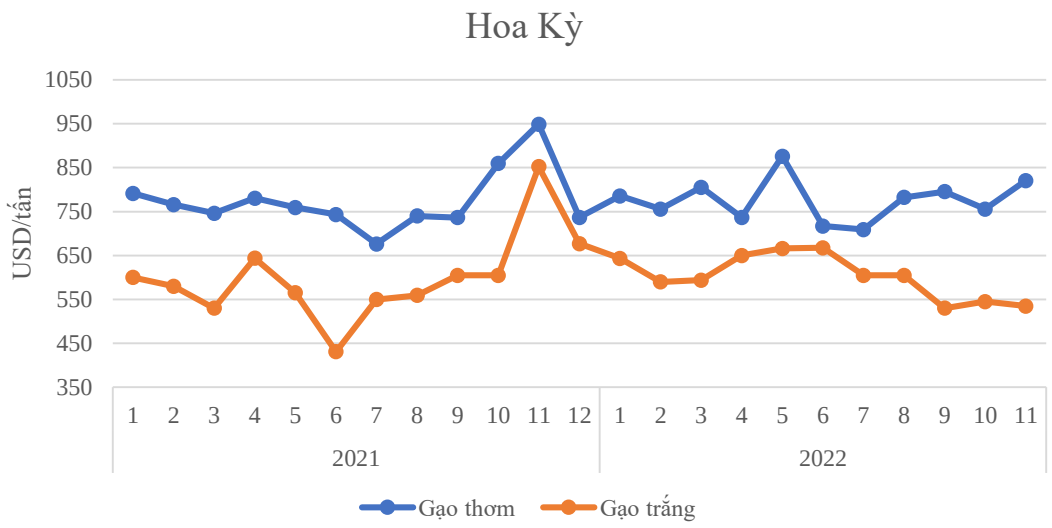

Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2022 đạt 13,2 triệu USD, chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 38,8% so với tháng trước và giảm 29,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 11 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 232,2 triệu USD, chiếm 7,6% thị phần, tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

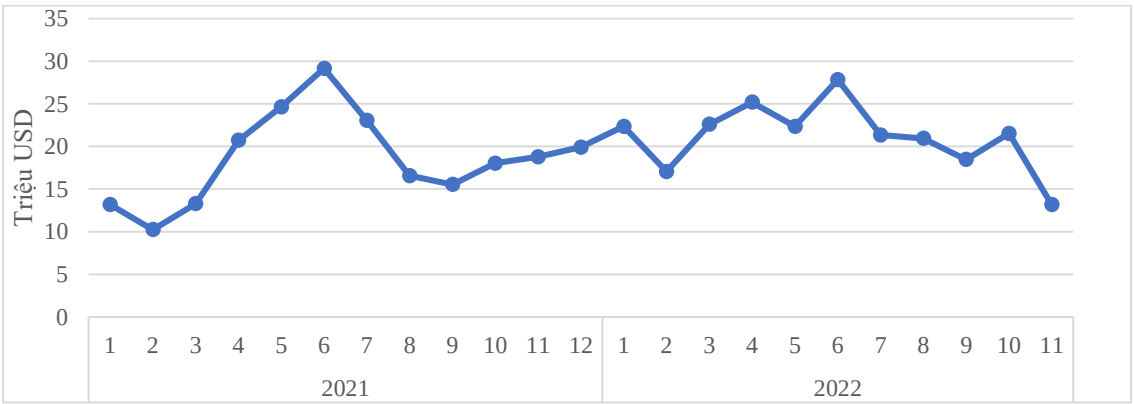

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,5 triệu USD (chiếm 49,0% thị phần, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,7 triệu USD (chiếm 51,0% thị phần), giảm 38,1%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt gần 3,0 triệu USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,7 triệu USD (giảm 58,4%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 737,5 nghìn USD (giảm 41,4 %); v.v.

Trong tháng 11 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: thanh long đạt 1,9 triệu USD (chiếm 14,5% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 13,3% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt 1,1 triệu USD (chiếm 8,6%), giảm 18,3%; hạt macca đạt 903 nghìn USD (chiếm 6,8%), tăng 130,1%; dừa đạt 890 nghìn USD (chiếm 6,7%), giảm 74,6%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2022

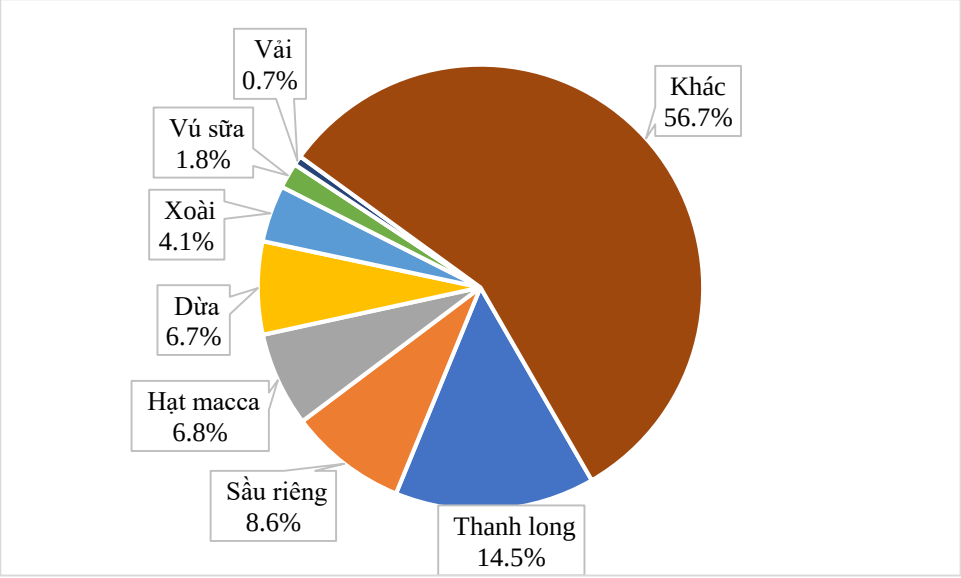

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 11 năm 2022 đạt 40,5 triệu USD, chiếm 19,8% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 11 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 320,3 triệu USD, chiếm 17,1% thị phần, tăng 15,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 11/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 17,8 triệu USD, chiếm 44,0% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2021; táo đạt 7,5 triệu USD (chiếm 18,5%), tăng 357,5%; nho đạt 7,5 triệu USD (chiếm 18,4%), tăng 19,3%; hạnh nhân đạt 4,5 triệu USD (chiếm 11,2%), giảm 25,4%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 11/2022 ước đạt 12,3 nghìn tấn với trị giá 27,0 triệu USD, tăng 47,5% về khối lượng và 31,5% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 12,6% về khối lượng và 10,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

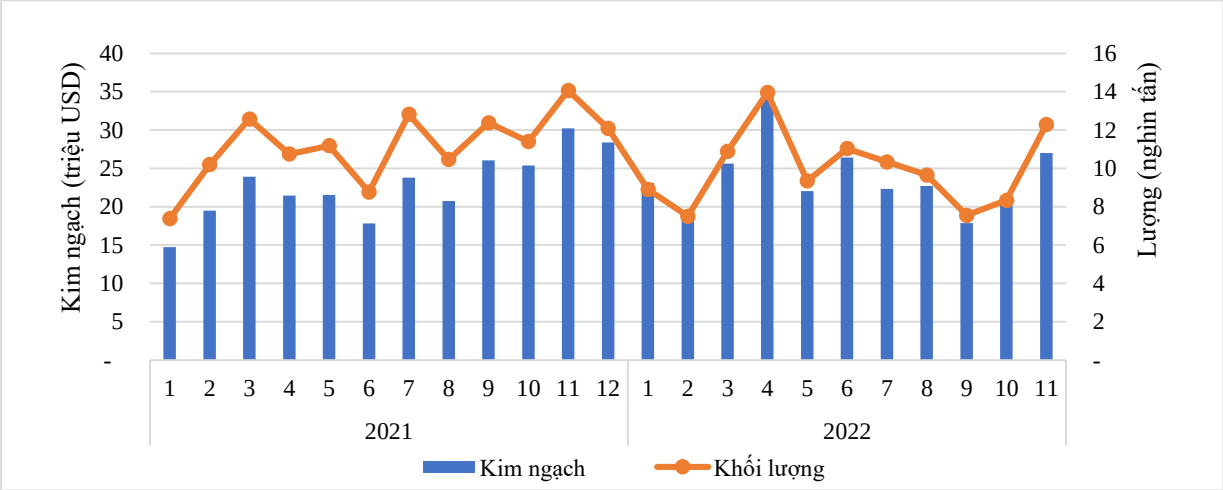

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.195 USD/tấn, giảm 10,9% so với tháng trước nhưng tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ

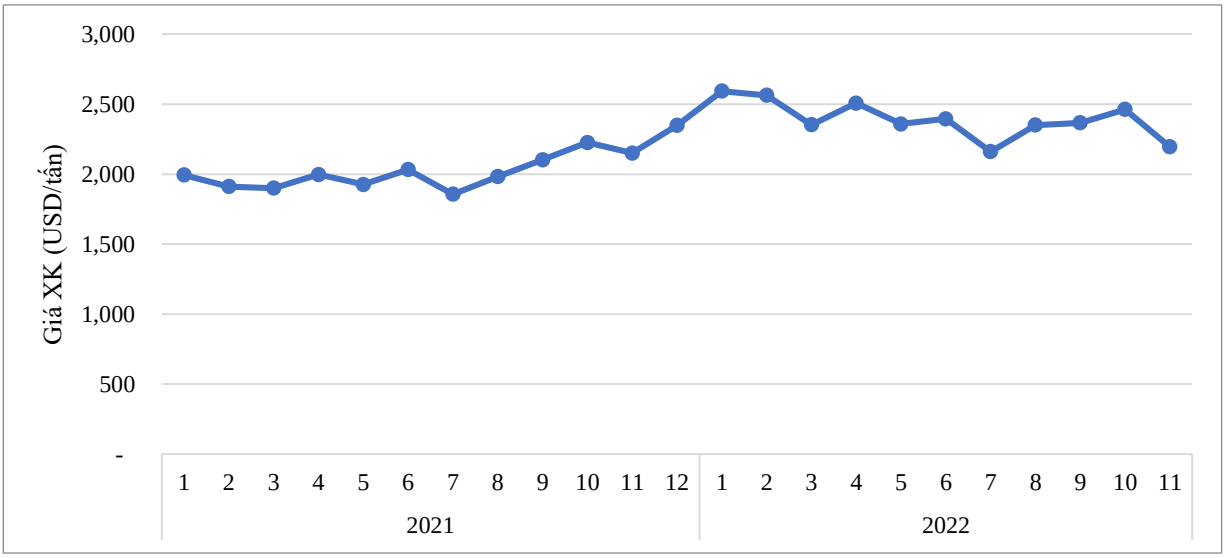

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 22,1 triệu USD, chiếm 82,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê hòa tan với kim ngạch 1,8 triệu USD, chiếm 6,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein và cà phê đã rang chưa khử cafein, chiếm lần lượt 4,7% và 0,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 8. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 11/2022

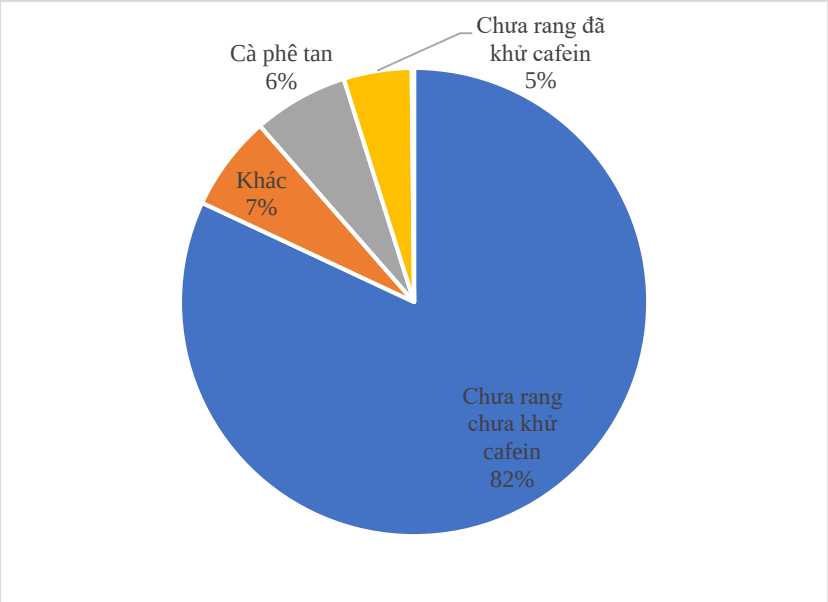

Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại quốc tế Hoa Kỳ cho biết, 10 tháng năm 2022, nhập khẩu hạt tiêu của nước này đạt 76,11 nghìn tấn, trị giá xấp xỉ 379,8 triệu USD, giảm 5,4% về lượng, nhưng tăng 27,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2022 đạt mức 4.990 USD/tấn, tăng 35,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Hoa Kỳ tăng mạnh từ hầu hết các nguồn cung chính, ngoại trừ Trung Quốc giảm 2,4%, xuống còn 4.142 USD/tấn. 10 tháng năm 2022, nhập khẩu hạt tiêu của thị trường Hoa Kỳ giảm mạnh từ các thị trường Brazil, Ấn Độ, nhưng tăng từ các thị trường Việt Nam, Indonesia, Trung Quốc.

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 11/2022 đạt 3.340 tấn, tương ứng với 16,415 triệu USD, giảm 22,67% về khối lượng và giảm 23,97% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này giảm 27,36% về khối lượng và giảm 23,6% về giá trị.

Hình 9: Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

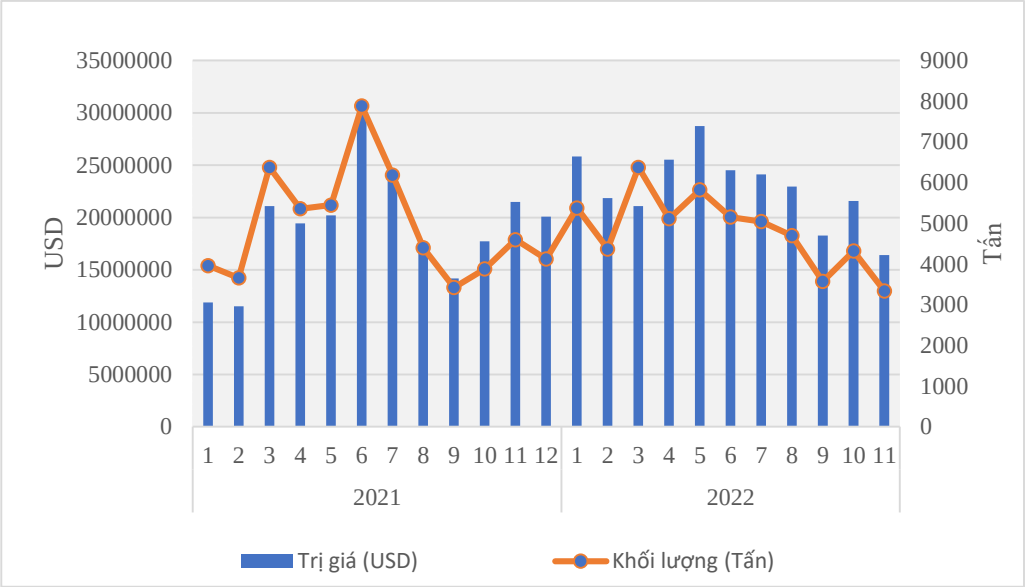

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, tiêu đen vẫn là mặt hàng chính của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ, trong đó, tiêu đen đã xay chiếm 53% *(giảm 13,5% so với tháng trước và tăng 53,1% so với cùng kỳ năm trước)*, tiêu đen chưa xay chiếm 36,6% giá trị xuất khẩu sang thị trường này *(giảm 38,9% so với tháng trước và giảm 54,3% so với cùng kỳ năm trước)*. Tiêu trắng đã xay, tiêu trắng chưa xay, tiêu khác chưa xay chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ lần lượt là 5,3%, 4,4% và 0,7% tổng giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2022

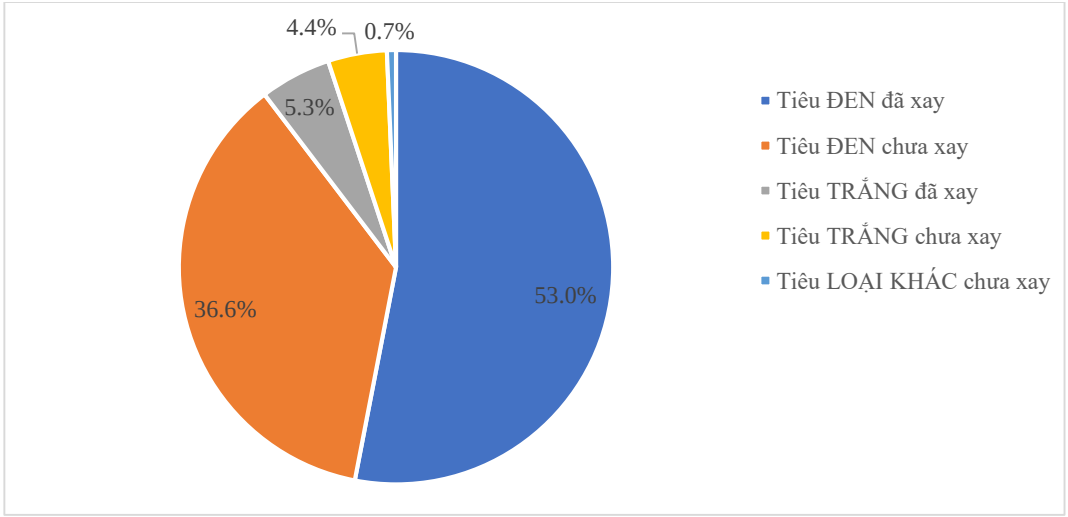

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 11/2022 đạt 4.915 USD/tấn, giảm 1,7% so với tháng trước và tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 11 : Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

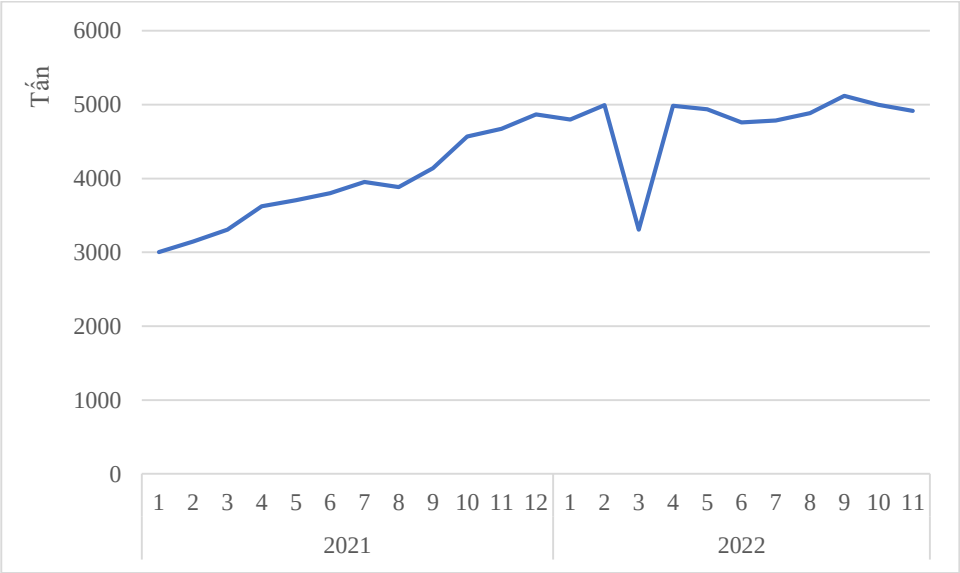

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2022, Việt Nam xuất khẩu được 11.716 tấn điều, trị giá 69,094 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tuy tăng 2,2% về khối lượng nhưng giảm 1,9% về giá trị so với tháng trước; giảm 18,5% về khối lượng và giảm 25% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch điều xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm 2022 đạt 131.131 tấn, trị giá 769,147 triệu USD, giảm 21% về khối lượng và giảm 19,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 42. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ

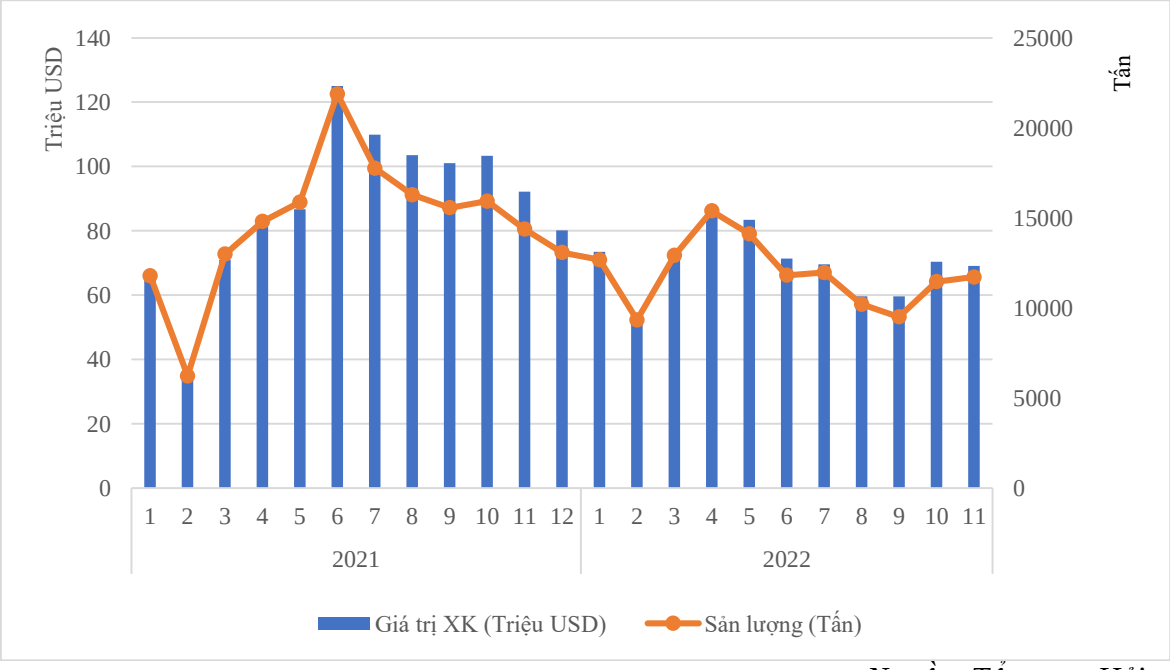

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 11/2022, hạt điều Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ và hạt điều rang. Trong đó, hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tỷ trọng 78,9% *(tăng 6,4% so với tháng trước và giảm 32% so với cùng kỳ năm trước)*, hạt điều rang chiếm khoảng 21,1%.

Hình 13. Cơ cấu xuất khẩu hạt điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

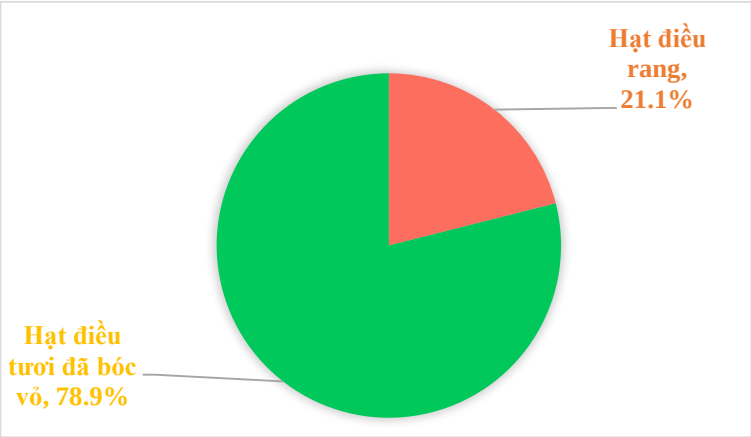

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Bình quân giá xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 5.897 USD/tấn, Giảm 4% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 14: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

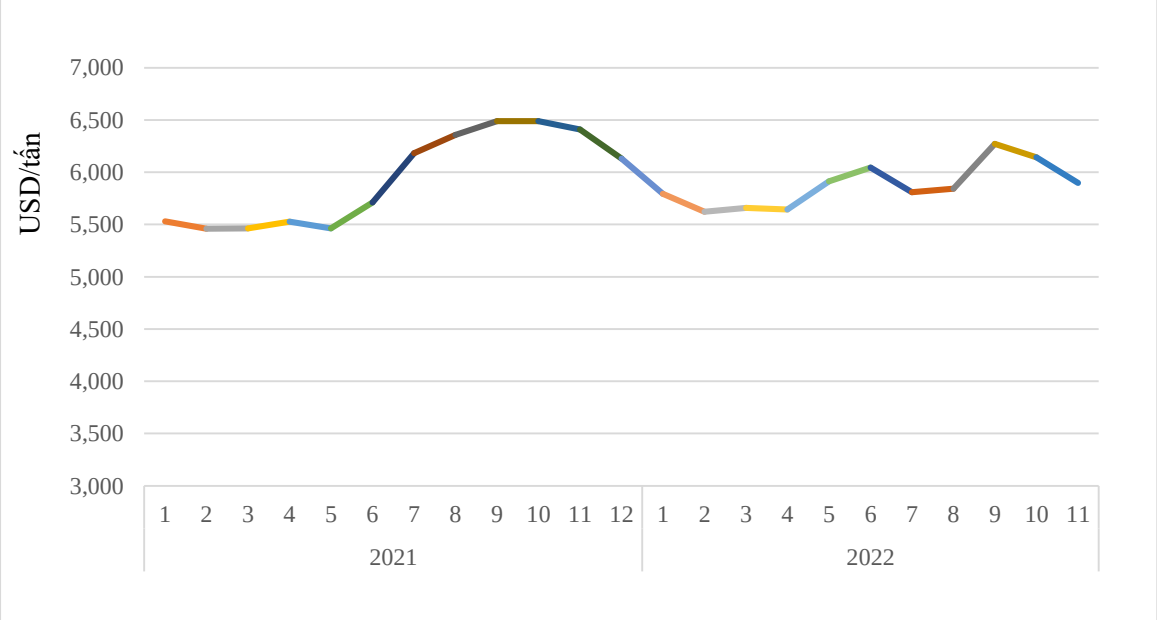

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với điều tươi đã bóc vỏ, giá xuất khẩu bình quân sang thị trường này tháng 11/2022 đạt trung bình là 5.767 USD/tấn, giảm 2,4% so với tháng trước và giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước.

6. THỦY SẢN

Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới trong 10 tháng năm 2022, đạt 27,1 tỷ USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam đạt 2,07 tỷ USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam tăng từ 6,5% trong 10 tháng năm 2021 lên 7,6% trong 10 tháng năm 2022.

Theo dữ liệu mới từ IRI và 210 Analytics, doanh số bán hải sản bảo quản tăng 6,2% lên 188 triệu USD trong tháng 11/2022. Doanh số bán cá hồi đông lạnh tăng 13,5%, doanh số cá minh thái đông lạnh tăng 8,7% và doanh số cua đông lạnh tăng 6,2%. Doanh số bán hải sản tươi sống giảm nhẹ hơn 1,7% xuống 489 triệu USD (460 triệu EUR), với giá hải sản tươi sống tăng 2,9% trong tháng.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì tiếp tục duy trì là nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu thuỷ sản sang thị trường này đạt đạt gần 117,8 triệu USD, chiếm 14,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 11 tháng đầu năm 2022 đạt 2,05 tỷ USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 55. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2022

ĐVT: Triệu USD

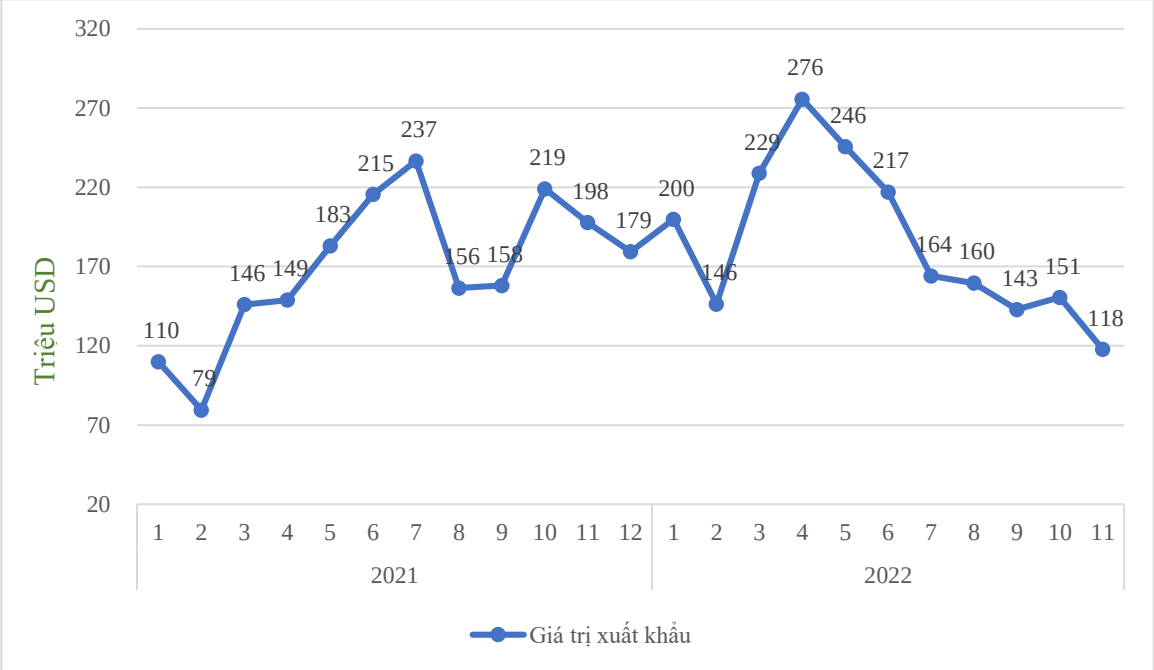

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2022 giảm mạnh do ảnh hưởng của lạm phát dẫn tới nhu cầu tiêu dùng giảm. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thịt trường chỉ đạt 117,8 triệu USD, thấp nhất từ đầu năm, giảm 40,4% so với năm 2021 và 21,7% so với tháng 10/2022.

Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2022

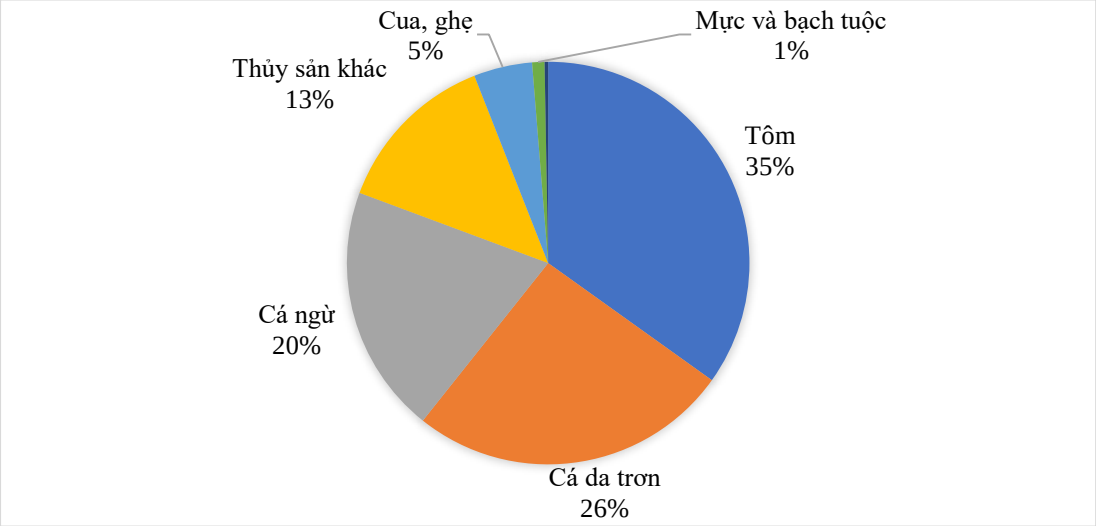

Nguồn: Tổng cục hải quan

Tôm tiếp tục là sản phẩm xuất khẩu chính sacng thị trường này trong tháng 11/2022, đạt 41,1 triệu USD, chiếm 34,9% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ. Trong đó, xuất khẩu tôm chế biến các loại đạt 27,9 triệu USD, chiếm 68% giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này, giảm 47% so với tháng 11/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 10,7 triệu USD, chiếm 26,2%, giảm 61,7%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 2,2 triệu USD, chiếm 5,3%, giảm 76,7%; tôm các loại sống/ đông lạnh đạt 0,2triệu USD, chiếm 0,5%, giảm 67,7%.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2022

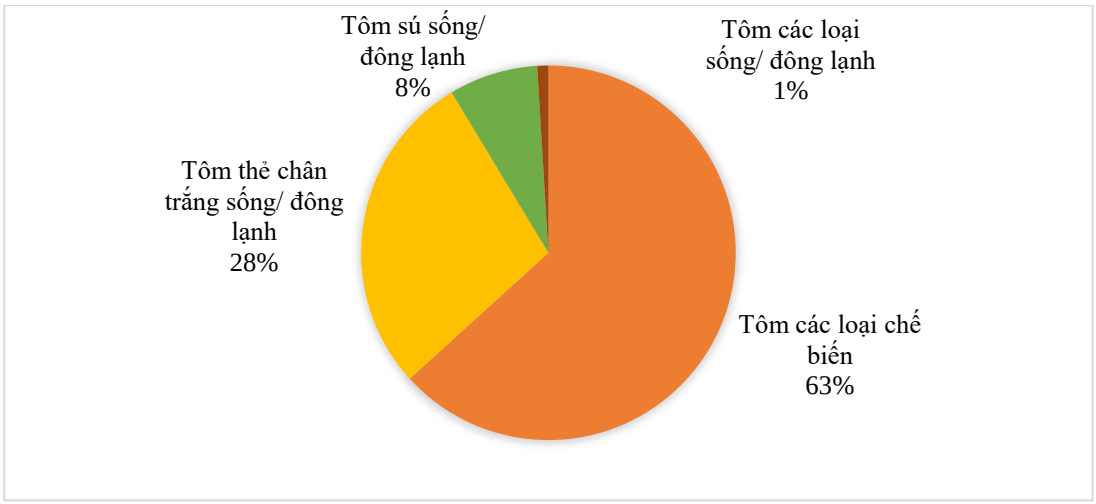

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 11/2022, giá trị xuất khẩu cá da giảm mạnh so với tháng trước, giảm 18,5% và giảm 11,5% so với tháng 11/2021. Giá trị xuất khẩu cá tra phi lê đạt 29,6 triệu USD, giảm 13,2% so với năm 2021 và 19,7% so với tháng 10/2022. Cá tra sống/đông lạnh, trừ phi lê đạt 0,8 triệu USD, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 11/2022 như sau: Cá ngừ đạt 23,5 triệu USD, giảm 30,7% so với tháng 11/2021; cua, ghẹ đạt 5,5 triệu USD, giảm 50,8%; mực bạch tuộc đạt 1,2 triệu USD, giảm 54,7% và thủy sản khác đạt 15,7 triệu USD, giảm 25,8%.

Tháng 11/2022, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 10,4 USD/kg, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 5,5 USD/kg, giảm 22,8%. Cụ thể

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 11/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	5,5	-22,8%	-18,2%
2	Cá ngừ	12,5	12,0%	-9,3%
3	Cua, ghẹ	17,0	-7,1%	-2,2%
4	Mực và bạch tuộc	10,7	48,7%	-59,1%
5	Tôm	10,4	-10,6%	-2,7%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 571,3 triệu USD, giảm 3,9% so với tháng trước và 22,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 68: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ

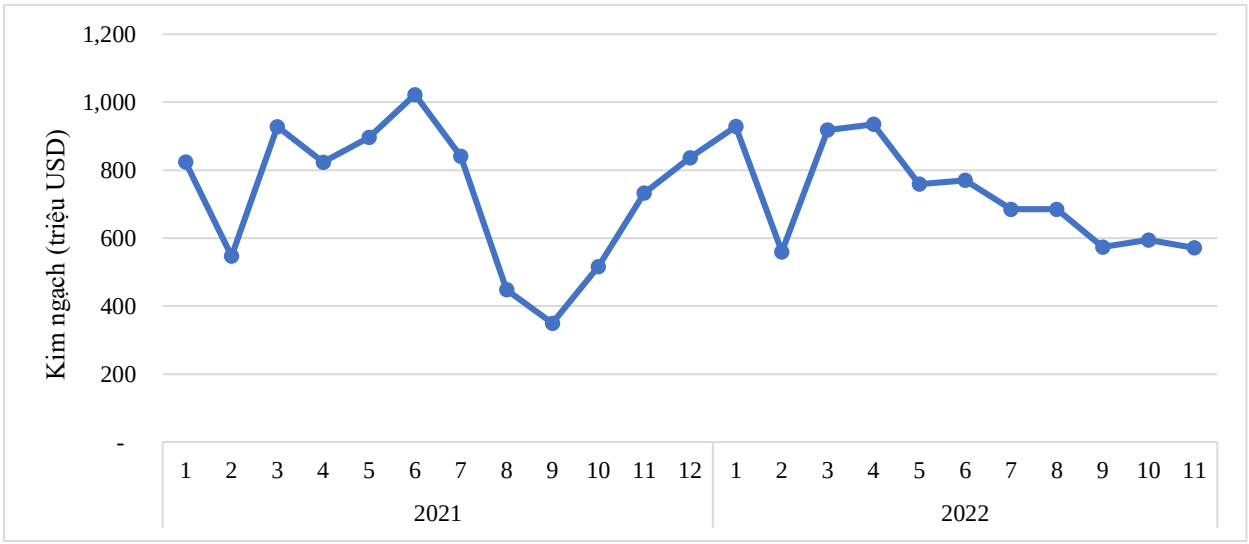

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 12,7 triệu USD, chiếm 78,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 2,7 triệu USD, chiếm 16,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ ván, chiếm 3,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 19: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 11/2022

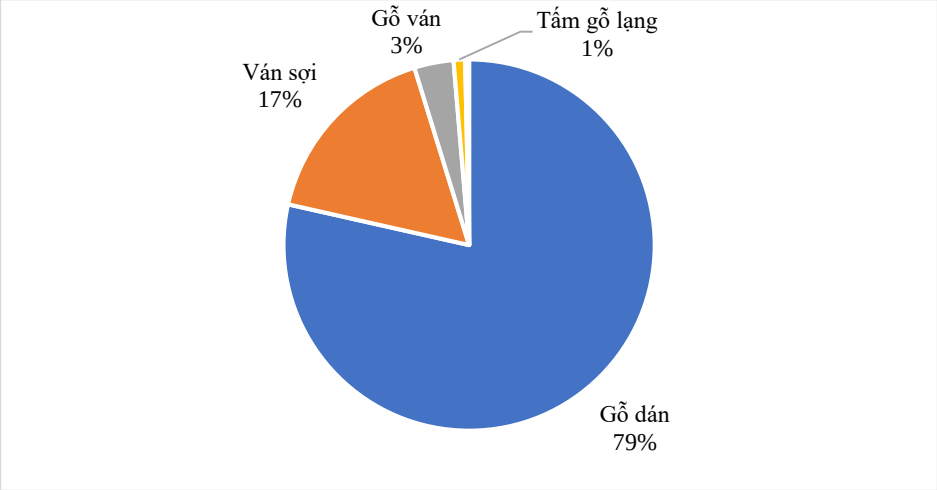

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 11/2022, kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ đạt 2,368 triệu USD ứng với 1,794 nghìn tấn, giảm 35,58% về khối lượng và 39,5% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2021, xuất khẩu cao su sang Hòa Kỳ giảm 58,97% về khối lượng và 62,75% về giá trị. Cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 99,89% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.

Hình 20: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ

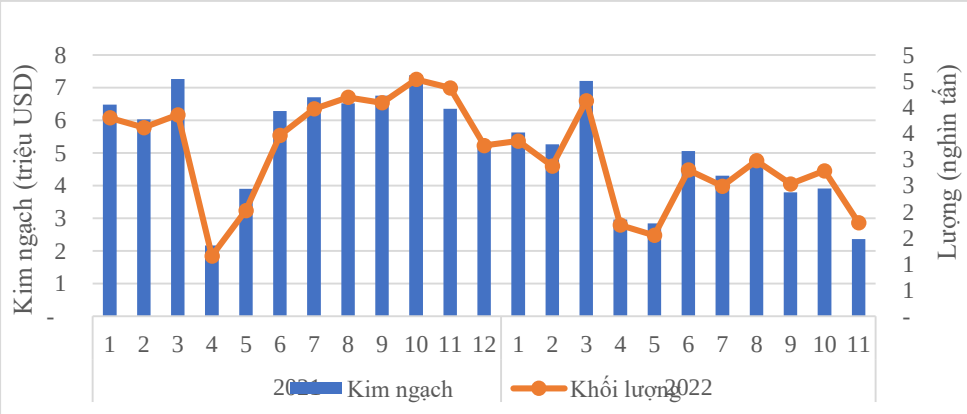

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2022, TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hoa Kỳ, chiếm 26%. Tiếp theo là mủ cao su tự nhiên chiếm tỷ trọng 22%. Tiếp theo lần lượt là RSS 3 (7,9%), TSNR L (7,4%), RSS 1(4,9%), TSNR 10 (2,0%).

Hình 71: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 09/2022

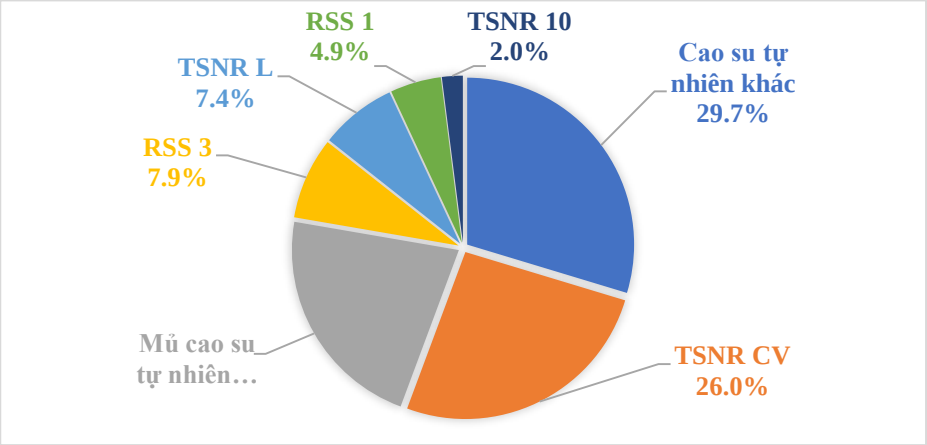

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính từ tháng 6/2022, bình quân giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ liên tục giảm mạnh, trong tháng 11/2022 chỉ đạt mức 1.320 USD/tấn, giảm 6% so với tháng trước và 9,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 22: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ

Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Điều

Theo nhận định của các chuyên gia, xu hướng giảm chi tiêu cho thực phẩm không thiết yếu như hạt điều do ảnh hưởng của tình hình lạm phát, suy thoái kinh tế dự báo còn kéo dài sang năm 2023, tiêu thụ sẽ chậm và giá cả khó tăng trong thời điểm này, tình hình xuất khẩu điều nhân giai đoạn 2022 - 2023 nói chung và sang thị trường Hoa Kỳ nói riêng sẽ càng khó khăn hơn giai đoạn 2019 - 2021.

2. Thủy sản

Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn của thuỷ sản Việt Nam. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng tăng nhẹ trong dịp cuối năm do tiêu thụ những sản phẩm như thủy sản tươi, đông lạnh và cá hồi tươi có xu hướng được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trong những ngày lễ. Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng thủy sản của người Mỹ đang có sự thay đổi mạnh về loại sản phẩm. Cụ thể, do ảnh hưởng của lạm phát, nhu cầu tiêu thụ hải sản bảo quản tăng mạnh. Doanh nghiệp xuất khẩu cần có kế hoạch sản xuất cụ thể để đáp ứng những thay đổi của thị trường này.

3. Gỗ và sản phẩm gỗ

Hàng loạt đợt tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) nhằm kiềm chế tình trạng lạm phát đang gia tăng tại Hoa Kỳ đã đẩy lãi suất thế chấp trên thị trường nhà ở lên cao, khiến nhiều người Mỹ không thể mua được nhà. Dù lãi suất thế chấp đã giảm xuống từ mức cao nhất, nhưng vẫn cao gần gấp đôi so với năm 2021. Tuy nhiên, với đợt tăng lãi suất từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ dự kiến sẽ diễn ra, lĩnh vực nhà ở có thể sẽ vẫn yếu cho đến năm 2023.

Đồ nội thất bằng gỗ luôn là mặt hàng xuất khẩu chính chiếm tỷ trọng cao, trị giá xuất khẩu lớn, và mặt hàng này xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Hoa Kỳ, nhưng nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này tại Mỹ đã chậm lại bởi ảnh hưởng lạm phát cao khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu. Theo Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam có nhiều khả năng tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất gỗ và sản phẩm gỗ sẽ tăng trưởng sẽ đạt mức trên 15% trong năm 2023 khi kinh tế toàn cầu dần ổn định trở lại.

4. Cao su

Theo nhận định của các chuyên gia, trong các tháng cuối năm, xuất khẩu cao su vẫn gặp nhiều trở ngại do đồng Dollar Mỹ vẫn còn nhiều biến động. Ngoài ra, vấn đề hoàn thuế khá chậm cho các doanh nghiệp sau khi xuất khẩu cũng khiến cho vòng xoay vốn chậm lại, ảnh hưởng tới việc đầu tư thêm cho chu kỳ kinh doanh tiếp theo. Mặc dù vậy, xuất khẩu vẫn đang trong xu hướng tích cực. Cao su Việt Nam đang ngày càng thâm nhập sâu hơn vào thị trường quan trọng như Mỹ.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 11/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 11/2022 *(USD)*	Tăng/giảm so T10/2022	Tăng /giảm so T11/2021	Tỷ trọng T11/2022
1	Cà phê	26.987.756	31,5%	-10,8%	3,2%
2	Cao su	2.368.210	-39,5%	-62,7%	0,3%
3	Chè	561.173	31,3%	0,5%	0,1%
4	Gạo	1.911.854	24,3%	132,6%	0,2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	571.291.775	-3,9%	-22,0%	68,0%
6	Hàng rau quả	13.186.603	-38,8%	-29,8%	1,6%
7	Hàng thủy sản	117.794.173	-21,7%	-40,4%	14,0%
8	Hạt điều	69.094.095	-1,9%	-25,0%	8,2%
9	Hạt tiêu	16.415.672	-24,0%	-23,6%	2,0%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	16.886.521	-2,2%	-44,5%	2,0%
12	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	3.848.683	-33,3%	-52,2%	0,5%
	Tổng XK NLTS	**840.346.515**			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 11/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 11/2021		Tháng 11/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	812	715.017	1.255	952.382	54,6%	33,2%
2	Gạo Japonica	39	29.491	610	479.124	1464,5%	1524,6%
3	Các loại gạo khác	91	77.123	889	480.347	872,9%	522,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 11/2022

TT	Sản phẩm	T11/2021 (USD)	T11/2022 (USD)	So sánh T11.2022/ T11.2021
	Tổng giá trị XK	**18.775.142**	**13.186.603**	**-29,8%**
1	Thanh long	2.208.991	1.915.136	-13,3%
2	Sầu riêng	1.380.913	1.127.661	-18,3%
3	Hạt macca	392.496	903.000	130,1%
4	Dừa	3.499.600	889.980	-74,6%
5	Xoài	636.423	543.518	-14,6%
6	Vú sữa	74.302	243.678	228,0%
7	Vải	13.318	91.271	585,3%
8	Bưởi	7.898	63.370	702,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 11/2022

ĐVT: USD

Mặt hàng	T11/2021 (USD)	T11/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	26.652.862	22.125.825	-16,99%
Cà phê tan	2.475.272	1.776.002	-28,25%
Khác	562.418	1.780.946	216,66%
Chưa rang đã khử cafein	275.947	1.267.181	359,21%
Đã rang chưa khử cafein	450.416	44.727	-90,07%
Đã rang đã khử cafein	14.009		-100,00%
Tổng	**30.430.924**	**26.994.680**	**-11,29%**

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 11/2022

Loại sản phẩm	Tháng 11/2022 (USD)	Tháng 11/2021 (USD)	So sánh 2022/2021(%)
Cá da trơn	30.406.059,1	34.339.891,0	-11,5%
Cá ngừ	23.526.990,7	37.354.149,7	-37,0%
Cá rô phi	334.218,0	794.778,1	-57,9%
Cua, ghẹ	5.529.963,5	11.250.624,8	-50,8%
Mực và bạch tuộc	1.171.581,8	2.399.822,8	-51,2%
Tôm	41.092.179,1	90.797.883,0	-54,7%
Thủy sản khác	15.733.180,8	20.786.507,6	-24,3%
Tổng	**117.794.173,0**	**197.723.657,0**	**-40,4%**

Nguồn: Tổng cục Hải quan